TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 89/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Ông Dương Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thảo Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Q định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ D, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ D, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Đ, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Lê Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/3/2010.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện, chị và anh T đã ly thân từ ngày 26/01/2025 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Nhựt T1, sinh ngày 19/12/2011 và Lê Hữu Q1, sinh ngày 02/8/2019, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q1, chị giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị rút yêu cầu buộc anh Lê Văn T chia cho chị tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Hữu Q1, sinh ngày 02/8/2019 cho chị Hồ Thị Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Nhựt T1, sinh ngày 19/12/2011 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Đ buộc anh Lê Văn T chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k.

- *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc Đ và anh Lê Văn T cưới nhau và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ, anh T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ ngày 26/01/2025. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Hồ Thị Ngọc Đ và anh Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hồ Thị Ngọc Đ được ly hôn với chị Lê Văn T.

[3] Về con chung: Xét thấy, chị Hồ Thị Ngọc Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Q1, tuy nhiên cháu Q1 đang sống cùng với anh T, môi trường sống ổn định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Lê Hữu Q1 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Cháu Lê Nhựt T1 có nguyện vọng sống cùng với anh Lê Văn T và chị Hồ Thị Ngọc Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Lê Nhựt T1 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Ngọc Đ rút yêu cầu buộc anh Lê Văn T chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k. Xét việc rút yêu cầu của chị Đ là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này của chị Hồ Thị Ngọc Đ.

[5] Về nợ chung: Chị Hồ Thị Ngọc Đ khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Hồ Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là chưa phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 2, Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc Đ về việc nuôi dưỡng cháu Lê Hữu Q1, sinh ngày 02/8/2019. Giao cháu Lê Hữu Q1 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc Đ, giao cháu Lê Nhựt T1, sinh ngày 149/12/2011 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Hồ Thị Ngọc Đ chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hồ Thị Ngọc Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu chị Hồ Thị Ngọc Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Lê Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chị Hồ Thị Ngọc Đ.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Hồ Thị Ngọc Đ buộc anh Lê Văn T chia tài sản chung là 10 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí: Chị Hồ Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007626 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Đ đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan